

**“KHÂM ĐỊNH ĐẠI NAM HỘI DIỄN SỰ LỆ” - SỬ LIỆU CHÂN VẮC MINH
CHỨNG CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM
TRÊN HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA**

TRINH VIỆT DŨNG

1. Tổng quan về “Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ”

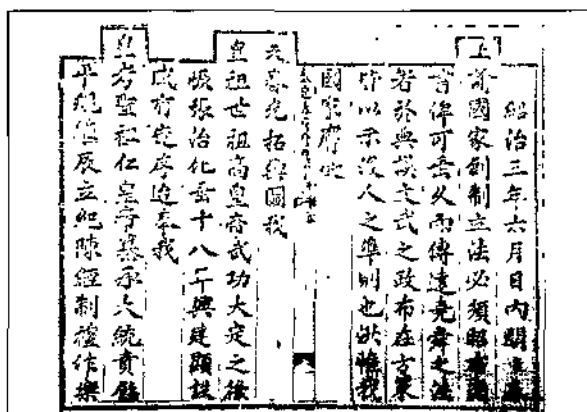
“Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ” (欽定大南會典事例) là bộ sách được biên soạn dưới triều Nguyễn theo thể loại Hội điển (thể loại này được đặt ra nhằm ghi lại các điển pháp, quy chuẩn và dữ kiện liên quan đến tổ chức và hoạt động của một triều đại, một Nhà nước).

Quá trình biên soạn, in sách:

“Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ” là một công trình có quy mô thuộc loại đồ sộ nhất trong kho tàng thư tịch cổ viết bằng chữ Hán của Việt Nam, được biên soạn từ 1843 đến 1855 (kéo dài 13 năm) theo chỉ dụ của các vua: Thiệu Trị vào các năm: Thiệu Trị thứ 3 (1843), Thiệu Trị thứ 6 (1846); Tự Đức vào các năm: Tự Đức thứ 3 (1850), Tự Đức thứ 4 (1851). Bộ hội điển này gồm 262 quyển, do Nội các triều Nguyễn biên soạn, sách in bản gỗ (Mộc bản), giấy lệnh hội (khổ 32cm x 20cm), mỗi quyển bình quân 30 tờ, cộng tất cả ước trên 8.000 tờ. Sách biên chép tất cả các chỉ, sắc lệnh, chiếu, chỉ,... đã đem ra thi hành, kể từ năm Gia Long thứ Nhất (1802) đến năm Tự Đức thứ 4 (1851).

Những người tham gia việc toàn tu sách này ngoài các vị giám tu như Miên Định, Miên Nghi, Vũ Xuân Cẩn, Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản... có quan lại của cả lục Bộ (Lại bộ, Lễ bộ, Hình bộ, Hộ bộ, Binh bộ, Công bộ) và các nha. Tổng số người tham gia biên soạn lên tới 160 người.

Công việc in bộ sách đồ sộ này cũng



Bản dập trang đầu bài Dụ của vua Thiệu Trị tháng 6 năm Thiệu Trị thứ 3 về việc cho phép biên soạn sách “Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ”.

kéo dài khoảng 13 năm. Năm 1868, bộ sách mới chính thức đến tay người đọc, nhưng số lượng in hạn chế. Năm 1886, theo đề nghị của Kinh lược sứ Bắc Kỳ Nguyễn Trọng Hợp, triều đình nhà Nguyễn đã in lại bộ sách để cấp cho các tỉnh phía Bắc. Việc làm này cho thấy tầm quan trọng của bộ Hội điển này đối với công việc quản lý hành chính của đất nước ở thời điểm đó.

Về bố cục sách:

Thể thức làm ra sách chia từng môn loại theo khoản thức. Do vậy, bố cục “Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ” chia riêng theo từng công việc của từng bộ và từng ty. Cụ thể:

- Quyển đầu: Chỉ dụ, các bản tấu sơ về việc biên soạn sách, Phàm lệ;
- Quyển 1 – 4: Tôn nhân phủ;

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

- Quyển 5: Cơ mật viện;
- Quyển 6: Tập hiền viện;
- Quyển 7 – 35: Lại bộ;
- Quyển 36 – 68: Hộ bộ;
- Quyển 69 – 136: Lễ bộ;
- Quyển 137 – 178: Binh bộ;
- Quyển 179 – 204: Hình bộ;
- Quyển 205 – 223: Công bộ;
- Quyển 224 – 226: Nội các;
- Quyển 227 – 230: Đô sát viện.

Về nội dung:

“Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ” là một bộ sách quý chứa đựng một khối lượng đồ sộ những kiến thức, sử liệu chân xác, đặc biệt là về thiết chế và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam dưới triều Nguyễn (một quốc gia hoàn chỉnh về lãnh thổ, độc lập, tự chủ, trước khi trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây). Do vậy, để nghiên cứu toàn diện xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX (giai đoạn 1802 – 1851), đặc biệt là phương diện tổ chức bộ máy hành chính quốc gia từ trung ương đến địa phương, hoạt động quản lý và thực thi chủ quyền nói chung và chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng của triều đình nhà Nguyễn..., bên cạnh các bộ chính sử, như: “Đại Nam thực lục chính biên”, “Đại Nam chính biên liệt truyện”,..., không thể không dùng đến những sử liệu đáng tin cậy do Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ cung cấp.

2. “Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ” sử liệu chân xác phản ánh hoạt động thực quản lý và thực thi chủ quyền của triều Nguyễn trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Hoạt động quản lý và thực thi chủ quyền của vương triều Nguyễn giai đoạn 1802 – 1851 (giai đoạn độc lập, tự chủ trước khi bị thực dân Pháp đô hộ) trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa rất phong phú, bao gồm: đo đạc thủy trình; đo đạc và vẽ bản đồ các đảo, bãi cát; ghi chép hải trình; cắm cột mốc chủ quyền; trồng

cây; xây miếu, dựng bia, thu lượm sản vật và các thứ vũ khí do các tàu thuyền bị đắm để lại,... và các hoạt động cứu hộ, cứu nạn trên biển được phản ánh trong các bộ chính sử, địa chí, Châu bản của vương triều Nguyễn. “Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ” cũng chép cụ thể các hoạt động này dưới dạng hội điển (ghi lại các điển pháp, quy chuẩn và và dữ kiện liên quan đến tổ chức và hoạt động của triều Nguyễn một cách chân xác). Dưới đây là một vài ví dụ:

① “KHÂM ĐỊNH ĐẠI NAM HỘI ĐIỂN SỰ LỆ” Quyển 207, CÔNG BỘ, QUY CHẾ ĐÀN MIẾU, ĐÀN MIẾU Ở CÁC TỈNH chép: “*Năm thứ 16, chuẩn y lời tâu cho tỉnh Quảng Ngãi dựng miếu Hoàng Sa một gian (kiểu làm nhà đá) ở phía Tây Nam cồn cát trắng. Bên tả dựng bia đá, (cao 1 thước, 5 tấc, mặt 1 thước 2 tấc) phía trước xây bức bình chắn, phía tả phía hữu và phía sau trồng các loại cây*”¹.

Sách “ĐẠI NAM THỰC LỤC” (大南寔錄) cũng ghi chép lại việc này như sau:

- *Đại Nam thực lục chính biên* (大南實錄正編) *Thực lục về Thánh tổ nhân hoàng đế, đệ nhị kỷ - Quyển CIV*:

Năm Minh Mệnh thứ 14 (Quý Ty) [1833]

“*Vua bảo Bộ Công rằng: “Trong hải phận Quảng Ngãi, có một dải Hoàng Sa xa trông trời nước một màu, không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây, thuyền buôn thường [mắc cạn] bị hại. Nay nên dự bị thuyền mành, đến sang năm sẽ phái người tới đó dựng miếu, lập bia và trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn, xanh tốt, người dễ nhận biết, ngõ hầu tránh được khỏi nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời*”².

- *Đại Nam thực lục chính biên Thực lục về thánh tổ nhân hoàng đế, đệ nhị kỷ - Quyển CLIV*:

Ất Mùi, Minh Mệnh năm thứ 16 [1835]

“*Dựng đền thờ thần [ở đảo] Hoàng Sa thuộc Quảng Ngãi.*

Hoàng Sa ở hải phận Quảng Ngãi, có một chỗ nổi cồn cát trắng, cây cối xanh um, giữa

còn cát có giếng, phía Tây Nam có miếu cổ, có tám bài khắc 4 chữ "Vạn lý ba bình" (萬里波平) - muôn dặm sóng êm (còn Bạch Sa [cát trắng] chu vi 1070 trượng, tên cũ là núi Phật Tự, bờ Đông, Tây, Nam đều đá san hô thoải thoải uốn quanh mặt nước. Phía Bắc, giáp với một cồn toàn đá san hô, sừng sững nổi lên, chu vi 340 trượng, cao 1 trượng 3 thước, ngang với cồn cát, gọi là Bàn Than thạch). Năm ngoài vua toan dựng miếu lập bia ở chỗ ấy, bỗng vì sóng gió không làm được. Đến đây, mới sai Cai đội thủy quân là Phạm Văn Nguyên đem lính thợ Giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, chuyên chở vật liệu đến dựng miếu (cách tòa miếu cổ 7 trượng). Bên tả miếu dựng bia đá; phía trước miếu xây bình phong. Mười ngày làm xong, rồi về"³.

CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN (阮朝版本) cũng ghi lại những sự kiện liên quan đến việc dựng miếu, lập bia, trồng cây trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên như sau:

- **Châu bản ngày 13 tháng 7 năm Minh Mệnh thứ 16 (1835)** của Nội các tâu về kết quả tra xét của Bộ Công và Bộ Hình về nghi vấn "tư tặc" của những người đi công vụ ở Hoàng Sa và truyền dụ với quân binh nếu có tội: miễn tội, phục chức cũ hoặc đáng được dự thưởng; với dân phu ngoài việc được thưởng tiền nếu chưa được miễn thuế thân và được thưởng 1 quan tiền:

Cai đội Phạm Văn Nguyên khi trở về dềnh dăng quá hạn đã có lệnh trị tội nhưng qua tra xét chưa thấy có biểu hiện tư tặc gì, và lại lần này thực hiện công vụ chu đáo, xin được miễn tội, phục chức cũ, đáng được dự thưởng. Các viên Giám thành Trần Văn Vân, Nguyễn Văn Tiễn, Nguyễn Văn Hoàng vẽ bản đồ không rõ ràng bị phạt nhưng chuẩn cho tha; Các viên dẫn đường Vũ Văn Hùng, Phạm Văn Sênh được ban thưởng tiền phi long loại nhỏ ba mai; Các viên binh, tượng được thưởng 1 quan tiền cho về đơn vị cũ, cục cũ; Các dân phu do tình phải đi đợt này đều được thưởng tiền mỗi người một quan⁴.

- **Châu bản ngày 13 tháng 7 năm Minh Mệnh thứ 16 (1835)** của Nội các truyền dụ chuẩn thuận: gia ân miễn tội, phục chức cũ hoặc ban thưởng cho từng đối tượng cụ thể:

Cai đội Phạm Văn Nguyên khi trở về dềnh dăng quá hạn nhưng có công nay gia ân miễn tội, phục chức cũ. Các viên Giám thành Trần Văn Vân, Nguyễn Văn Tiễn, Nguyễn Văn Hoàng vẽ bản đồ không rõ ràng bị phạt nay chuẩn tha. Các viên dẫn đường Vũ Văn Hùng, Phạm Văn Sênh được ban thưởng. Các viên binh tượng được thưởng 1 quan tiền, cho về đơn vị cũ. Các dân phu đi đợt này đều được thưởng mỗi người một quan tiền để tỏ rõ sự ưu ái. Bộ Hình giữ bản giấy dó và sao chép gửi Nội các để chiếu theo thi hành.⁵

- **Châu bản ngày 18/7 Minh Mệnh 16 (1835)**. Loại văn bản: Dụ. Nội dung: Chuyến đi Hoàng Sa lần này, công vụ hoàn tất. Riêng Cai đội Phạm Văn Nguyên trên đường công hồi đã trì hoãn, có Chỉ giao Bộ Công trị tội. Nay phạt 80 trượng cho phục chức Cai đội. Các tên Giám thành Trần Văn Vân, Nguyễn Văn Tiễn, Nguyễn Văn Hoàng vẽ họa đồ Hoàng Sa chưa chu tất, phạt mỗi tên 80 trượng. Các tên hướng dẫn hải trình Võ Văn Hùng, Phạm Văn Sanh thưởng mỗi tên một tiền "Phi Long ngân tiền". Binh thợ, dân phu hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định đi theo thưởng mỗi tên 1 quan tiền⁶.

Dựa vào các nội dung trình bày, có thể tóm lược lại quá trình lập miếu, dựng bia, trồng cây trên hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa trên như sau: Tiếp nối các hoạt động (nhất quán và liên tục) coi sóc và thực thi chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa (theo quan niệm và cách gọi lúc đó là Hoàng Sa toàn xứ (黃沙全處), mùa Thu, năm 1833 (năm Minh Mệnh thứ 14), sau khi nghe Bộ Công tâu về tình hình toàn xứ Hoàng Sa, nhà vua đã chủ trương lập miếu, dựng bia và trồng cây ở đảo Hoàng Sa, mục đích nhằm cứu hộ, cứu nạn thuyền bè mắc cạn và làm những việc có lợi cho muôn đời sau. Thế nhưng, năm 1934 (năm Minh Mệnh thứ 15), chủ trương đó chưa

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

được thực hiện do thời tiết diễn biến phức tạp (sóng to, gió lớn). Bước sang năm 1835 (Minh Mệnh thứ 16), việc lập miếu và dựng bia, trồng cây trên mới được thực hiện (tòa miếu xây này xây cách tòa miếu cổ 7 trượng (28m). Nội các sau đó đã tâu lên Minh Mệnh về kết quả các chuyến công vụ trên; kết quả tra xét của Bộ Công và Bộ Hình về nghi vấn “tư tặc” của những người đi công vụ ở Hoàng Sa, trên cơ sở đó nhà vua xem xét công tội của từng người để định việc thưởng phạt (cụ thể như trường hợp của Cai đội Phạm Văn Nguyên, Giám thành Trần Văn Vân, Nguyễn Văn Tien, Nguyễn Văn Hoàng, hướng dẫn hải trình Võ Văn Hùng, Phạm Văn Sanh).

②. “KHÂM ĐỊNH ĐẠI NAM HỘI DIỄN SỰ LỆ” Quyển 221, CÔNG BỘ, CÔNG CHÍNH, ĐỒN BIỂN ghi: “Năm thứ 17, chuẩn y lời tâu rằng: Hoàng Sa thuộc khu vực ngoài biển rất là hiểm yếu. Minh Mệnh thứ 15, đã phái binh thủy quân và giám thành đến nơi xem xét, vì có gió lụt, nên chưa thăm dò được nơi đích xác. Năm qua lại phái ra, và đã dựng miếu dựng bia. Còn việc họa đồ chỉ được một chỗ chưa được rõ ràng. Có lẽ hàng năm cần phải đi thám dò khắp chỗ thuộc đường bể. Nay cần tư cho Quảng Ngãi, Bình Định, chiếu lệ năm trước, thuê “bắt thuyền dân và bắt người đi trước đều đến tỉnh Quảng Ngãi, vẫn phái binh thủy quân đi trước đều đến tỉnh Quảng Ngãi, vẫn phái binh thủy quân và giám thành cưỡi một chiếc thuyền sơn đen lái đến đích chỗ Hoàng Sa. Không cứ đảo nào, cửa bể nào thuyền chạy đến, sẽ đem nơi ấy chiều dài chiều ngang bề cao bề rộng chu vi đều bao nhiêu, và 4 bề nước bể nông hay sâu? có cát ngầm, đá mỏm hay không, ở hình thế hiểm trở hay bình thường xem đo tờ tường vẽ thành bản đồ. Lại chiếu khi khởi hành, do cửa bể nào ra bể, trông phương hướng nào mà lái đến nơi ấy, cứ theo đường thủy đã đi khẩu tính ước được bao nhiêu dặm đường? Lại ở chốn ấy trông vào bờ bể đối thẳng là tỉnh hạt nào? là phương hướng nào? ước

lượng cách bờ bao nhiêu dặm đường? ghi nói minh bạch trong họa đồ để về trình lên. Lại từ năm nay trở về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng Giêng, chiếu theo lệ ấy mà làm”⁷⁷.

Nói về việc này, sách “ĐẠI NAM THỰC LỤC” ghi chép như sau:

- Đại Nam thực lục chính biên, Thực lục về Thánh tổ nhân hoàng đế, đệ nhị kỷ - Quyển CLXV

“Bính Thân, Minh Mệnh năm thứ 17 [1836]

Bộ Công tâu nói: “Cương giới mặt biển nước ta có xứ Hoàng Sa rất là hiểm yếu. Trước kia, đã phái vẽ bản đồ mà hình thế nó xa rộng, mới chỉ được 1 nơi, cũng chưa rõ ràng. Hằng năm, nên phái người đi dò xét cho khắp để thuộc đường biển. Xin từ năm nay trở về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng giêng, chọn phái binh thủy quân và vệ Giám thành đắp 1 chiếc thuyền ô, nhằm thượng tuần tháng hai thì đến Quảng Ngãi, bắt 2 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định thuê 4 chiếc thuyền của dân, hướng dẫn ra đúng xứ Hoàng Sa. Không cứ là đảo nào, hòn nào, bãi cát nào, khi thuyền đi đến, cũng xét xem xứ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chu vi và nước biển bốn bên xung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở, bình dị thế nào, phải tường tất đo đạc, vẽ thành bản đồ. Lại, xét ngày khởi hành, từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến xứ ấy, căn cứ vào thuyền đi, tính ước được bao nhiêu dặm. Lại từ xứ ấy trông vào bờ bể, đối thẳng vào là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, đối chênh lệch là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, cách bờ biển chừng bao nhiêu dặm. Nhất nhất nói rõ, đem về, dâng trình”.

Vua y lời tâu. Sai Suất đội Thủy quân Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền đi. Chuẩn cho mang theo 10 cái bài gỗ, đến nơi đó dựng làm dấu ghi (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc, mặt bài khắc những chữ “Minh Mệnh thứ 17, năm Bính Thân, Thủy quân Chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh đi Hoàng Sa trông nom đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ” (dịch))⁷⁸

CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN (阮朝硃本) cũng ghi lại những việc liên quan đến việc thăm dò, đo đạc, khảo sát, vẽ bản đồ trên Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa trên như sau:

- **Châu bản ngày 12/2, năm Minh Mệnh 17 (1836):** của Bộ Công phúc trình về việc tiếp nhận công văn của Nội các có Châu phê: mỗi thuyền vãng thám Hoàng Sa phải đem theo 10 tấm bài gỗ (cột mốc) dài 4,5 thước, rộng 5 tấc, khắc sâu hàng chữ “Năm Bình Thân (Minh Mệnh 17), họ tên Cai đội thủy quân phụng mệnh đi đo đạc cắm mốc ở Hoàng Sa để lưu dấu”. Đã phái thủy quân Chánh độ trưởng Phạm Hữu Nhứt giờ Mão hôm qua đi Ô - thuyền rời Thuận An vào Quảng Ngãi quản suất việc vãng thám Hoàng Sa kỳ này. Bộ đã cho làm đủ số cột mốc gói gấp vào Quảng Ngãi. Châu cải (Vua sửa lại): “Báo gấp cho Quảng Ngãi thực thi ngay, giao cho tên ấy nhận biện”. Châu phê: “Thuyền nào đi tới đâu, cắm mốc tới đó để lưu dấu”⁹.

- **Châu bản ngày 11/7 năm Minh Mệnh 18 (1837):** Loại văn bản: Tấu. Xuất xứ: Bộ Hộ. Nội dung: Xin 5 ngày cứu xét tấu sách của Quảng Ngãi xin khai tiêu (thanh toán) việc chi cấp lương tiền cho dân phu công vụ Hoàng Sa¹⁰;

- **Châu bản ngày 02 tháng 4 nhuận năm Minh Mệnh thứ 19 (1838)** của Bộ Công tâu về việc cử người, có viên dẫn đường là Phạm Văn Sênh, đến Hoàng Sa để đo vẽ khảo sát toàn bộ xứ đó. Việc khảo sát đo đạc đã có hạn định rõ ràng là hạ tuần tháng 3 xuất phát ra khơi, nhưng từ ngày 10 đến ngày 26 tháng 4, gió Đông liên tục thổi, không tiện cho việc ra khơi, khẩn thiết xin đợi đến khi gió Nam thổi sẽ đưa thuyền ra khơi, kéo dài hạn định đến hạ tuần tháng 4 mà vẫn chưa ra khơi được là quá hạn nên đã căn cứ vào sự thực tấu trình¹¹.

- **Châu bản ngày 06 tháng 4 nhuận năm Minh Mệnh thứ 19 (1838)** của Bộ Công tâu trình về việc Quảng Ngãi vãng mệnh cho bốn thuyền đi Hoàng Sa vào giờ Mão, ngày 3 đã nhỏ neo ra khơi tại tấn Sa Kỳ và đã qua biển ổn thỏa¹².

- **Châu bản ngày 21 tháng 6 năm Minh Mệnh thứ 19 (1838)** của Bộ Công tâu trình việc đi thực hiện công vụ ở Hoàng Sa trở về báo cáo đã đến được 25 đảo thuộc ba vùng (trong đó có 12 hòn đảo đến kiểm tra và 13 hòn đảo đoàn chưa từng đến). Theo viên dẫn đường Vũ Văn Hùng thì còn một vùng ở phía Nam cách khá xa các nơi kia, gió Nam thổi mạnh nên khởi hành đến đó không tiện, phải đợi gió thuận thì muộn, xin đợi đến sang năm đến đó. Đoàn đi đã mang về 03 bản đồ vẽ riêng từng vùng, 01 bức vẽ chung cùng 01 bản nhật ký chưa được tu sửa hoàn chỉnh nên xin để Bộ thẩm tra kỹ và chỉnh sửa hoàn thiện để dâng trình. Trong chuyến đi họ đã thu được một súng đại bác bọc đồng, các loại đá san hô đỏ, ... mang về¹³.

- **Châu bản ngày 19/7 năm Minh Mệnh 19 (1838):** Loại văn bản: Tấu. Xuất xứ: tỉnh Quảng Ngãi. Nội dung: Xin chiếu lệ miễn thuế năm nay cho 2 chiếc “Bồn chinh thuyền” đã đưa binh dân đến Hoàng Sa đo đạc giáp vòng từ hạ tuần tháng 3 tới hạ tuần tháng 6, hoàn tất công vụ nay đã trở về¹⁴.

Dựa vào các nội dung trình bày trên, có thể tóm lược lại quá trình thăm dò, đo đạc, khảo sát, vẽ bản đồ trên Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa trên như sau: Sau khi cho tiến hành lập miêu và dựng bia trên Hoàng Sa (năm 1835), nhận thấy việc thăm dò, đo đạc, khảo sát, vẽ bản đồ chưa được rõ ràng, đích xác (qua các phúc tấu của Bộ Công), năm 1836, vua Minh Mệnh đã định việc thăm dò, đo đạc, khảo sát, vẽ bản đồ toàn xứ Hoàng Sa thành lệ thường niên (việc làm hằng năm) của triều đình và định ra yêu cầu: phải đo đạc chu vi, kích thước các chiều, độ nông sâu từng hòn đảo, bãi cát, khảo sát cả bãi đá ngầm, tình trạng hiểm trở và thủy trình từ cửa biển trong bờ ra các đảo ấy, ước tính số dặm,... và định việc chọn người đi Hoàng Sa như: chọn phái binh thủy quân và vệ Giám thành, viên dẫn đường... Trong các năm 1836, 1837, việc khảo sát, đo đạc ở Hoàng Sa được tiến hành ổn thỏa. Và sau các lần khảo sát, năm 1838 đoàn công

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

vụ Hoàng Sa đã phát hiện thêm được 13 hòn đảo mới, đo đạc, vẽ 04 bản đồ, 3 bức vẽ riêng, 1 bức vẽ chung, cùng 1 bản nhật kí, đồng thời thu nạp được một số chiến lợi phẩm và sản vật đem về. Đây là chuyển công vụ thành công nên các cá nhân được Bộ Công tấu trình nhà vua khen thưởng.

Bên cạnh việc ghi chép hoạt động quản lí và thực thi chủ quyền của triều Nguyễn trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên, “Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ” còn ghi lại các việc có liên quan đến các hoạt động này như việc: tổ chức quân đội của nhà Nguyễn, trong đó có các đơn vị thủy binh, nhiệm vụ của nhân viên Vệ giám thành là chuyên đo đạc, vẽ bản đồ các đảo,... hoặc việc điều thủy binh đi khảo sát, đo đạc vẽ bản đồ, hay việc khen thưởng, trị tội đối với các cá nhân tham gia các chuyến khảo sát này,...

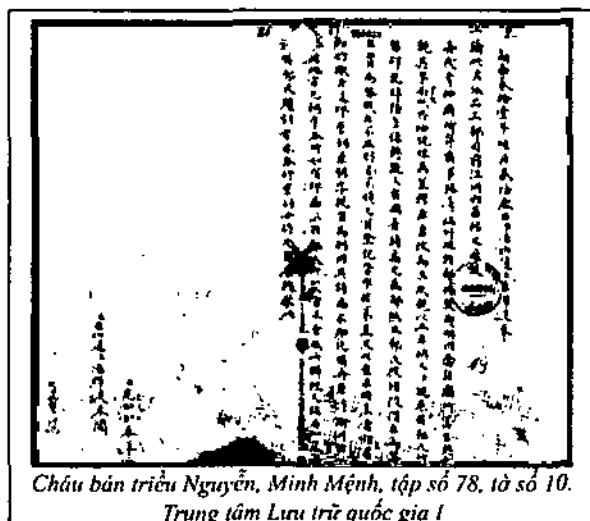
Như vậy, qua những ví dụ trên, có thể thấy những thông tin về hoạt động quản lí và thực thi chủ quyền của triều Nguyễn trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (giai đoạn từ năm 1802 – 1851) được ghi chép trong “Khâm Định Đại Nam Hội điển sự lệ” hoàn toàn nhất quán với “Đại Nam thực lục” và các Châu bản triều Nguyễn – bản gốc các văn bản hành chính (thông tin cấp 1). Nếu như “Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ”, ghi chép quá trình dựng miếu lập bia trồng cây, quá trình thăm dò, đo đạc, khảo sát, vẽ bản đồ trên Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa,... dưới dạng hội điển (các điển pháp, quy chuẩn và dữ kiện liên quan đến tổ chức và hoạt động), thì ở “Đại Nam thực lục” việc ghi chép các quá trình này theo dạng biên niên sử kí (có nhiều chi tiết được mô tả khá kĩ). Còn các Châu bản triều Nguyễn, văn bản hành chính gốc (thông tin cấp 1) gồm nhiều thể loại (chiếu, chỉ, dụ, khái, biểu, tấu, trình có giá trị thi hành, có ý chỉ, ấn tín của nhà vua và ấn tín của các cơ quan Nhà nước) ghi lại chính sách, kết quả các chuyển công vụ, việc xét công tội đối với từng người tham gia các chuyển công vụ đó,...

Kết hợp các nội dung từ 2 bộ sách trên và

các Châu bản triều Nguyễn, chúng ta sẽ có một cái nhìn toàn diện hơn về hoạt động quản lí và thực thi chủ quyền của triều Nguyễn trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (giai đoạn từ năm 1802 - 1851). Đó chính sử liệu chân xác minh chứng nhà Nguyễn luôn đặc biệt quan tâm và coi sóc toàn xứ Hoàng Sa - hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Không những thế, các hoạt động này còn được một số vị vua (như vua Minh Mệnh) nâng lên thành “quốc gia đại sự” (công việc quan trọng của quốc gia), thành lệ thường niên (việc làm hằng năm). Và các công việc này đặt dưới sự tổ chức và điều hành của triều đình do nhà vua trực tiếp chỉ đạo và phê duyệt (thông qua bộ máy triều đình và chính quyền những tỉnh liên quan). Sự quan tâm đặc biệt này của các vua triều Nguyễn xuất phát từ chính nhận thức của vị vua này (nói riêng) và triều đình nhà Nguyễn (nói chung) đối với xứ Hoàng Sa, đó là: “本國海疆之黃沙處: *Bản quốc hải cương chi Hoàng Sa xứ* (xứ Hoàng Sa là cương giới trên biển của nước ta); hay như là: “本國海疆黃沙處最是險要: *Bản quốc hải cương Hoàng Sa xứ tối thị hiểm yếu* (Cương giới của nước ta, xứ Hoàng Sa là tối hiểm yếu). Và từ sự quan tâm đó, triều đình nhà Nguyễn đã có rất nhiều hành động (quản lí nhà nước) cụ thể để thực thi (một cách nhất quán và liên tục) chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của một Nhà nước phong kiến, theo đúng với thông lệ quốc tế bấy giờ và phù hợp với luật pháp quốc tế hiện nay.

Tóm lại, hoạt động quản lí và thực thi chủ quyền của triều đình nhà Nguyễn giai đoạn 1802 – 1851 (giai đoạn độc lập, tự chủ trước khi bị thực dân Pháp đô hộ) trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được phản ánh trên nhiều nguồn sử liệu khác nhau, nhất là ở trong các Châu bản triều Nguyễn và trong các thư tịch cổ của Việt Nam, trong đó có các bộ chính sử, địa chí của vương triều và những bản đồ cổ, những bộ sử của tư nhân,... Tất cả đã tạo nên một hệ thống chứng cứ vững chắc về ...

(Xem tiếp trang 49)



Châu bản triều Nguyễn, Minh Mệnh, tập số 78, tờ số 10.
Trung tâm Lưu trữ quốc gia I

bia, biển do họ Trịnh làm ra, đều cho xir lý như thế. Còn ở trên đỉnh các núi có tiếng nào nếu có chữ của họ Trịnh để khắc, thì cũng tiến hành mài đi, không được để lại dấu tích cũ. Khâm thi.

Thần Phạm Bạch Như phụng thảo; Thần Phan Bá Đạt, thần Phan Huy Thực phụng duyệt.

Châu điểm trên chữ Minh Mệnh dòng thứ nhất của văn bản.

Châu mặt chữ diện, Châu cái là chữ nghĩa trên dòng chữ “Nhân niệm cai miếu sở cựu danh Trấn Vũ quán, kì tự diện (châu mặt chữ mặt, cái là chữ nghĩa) chiếu dữ thần hiệu thù thuộc sai mậu” nghĩa là “Nhân đó nghĩ rằng miếu này tên cũ là Trấn Vũ quán, (Châu mặt chữ mặt, cái là chữ nghĩa) chữ ấy so với thần hiệu thì rất sai”.

Như vậy, cái tên “Chân Vũ quán” được sử dụng từ năm 1840. Đến nay, cái tên “Trấn Vũ quán”, “Chân Vũ quán” và “Quán Thánh” đều được nhân dân Hà Nội sử dụng. Đây không chỉ là một công trình có giá trị về mặt lịch sử và kiến trúc, đền Quán Thánh còn là nơi sinh hoạt tín ngưỡng văn hóa của người dân Hà Nội xưa và nay. Đền Quán Thánh tổ chức chính hội vào ngày 03/3 âm lịch. Hiện nay, ngôi đền Quán Thánh vẫn còn giữ được nguyên vẹn những giá trị văn hóa lịch sử cho con cháu mai sau. Ngôi đền được in dấu bởi nét thời gian tạo nên một vẻ đẹp rất riêng, vẻ đẹp của một Hà Nội những ngày tháng xưa./.

“KHÂM ĐỊNH ĐẠI NAM...

(Tiếp theo trang 47)

...chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Và trong hệ thống thư tịch cổ này, “Khâm định Đại Nam hội điển”, bộ sách hội điển đồ sộ và có giá trị nhất, ghi lại các điển pháp, quy chuẩn và dữ kiện liên quan đến tổ chức và hoạt động của triều đình nhà Nguyễn, đặc biệt là các hoạt động quản lí và thực thi chủ quyền quốc gia nói chung và chủ quyền của triều đình nhà Nguyễn (giai đoạn 1802 – 1851) trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng. Chính vì vậy, có thể khẳng định những nội dung ghi chép trong bộ sách Hội điển này là những sử liệu chân xác, minh chứng có sức thuyết phục cao, đó là bằng chứng không thể tranh cãi về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa./.

Chú thích:

1. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Q.207-26a
2. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, tập3, tr 743
3. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, tập 4, 673
4. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I. *Tập Châu bản Minh Mệnh 54*, tờ 92
5. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I. *Tập Châu bản Minh Mệnh 54*, tờ 92
6. *Đại Nam thực lục chính biên*. *Tập Châu bản Minh Mệnh 54*, trang 92
7. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Q.221-26a
8. Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, tập4, tr646-647
9. Bản chụp đen trắng của Ủy ban Biên giới quốc gia
10. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, *Tập Châu bản Minh Mệnh 57*, tờ 210
11. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, *Tập Châu bản Minh Mệnh 68*, tờ 21
12. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, *Tập Châu bản Minh Mệnh 68*, tờ 40
13. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, *Tập Châu bản Minh Mệnh 68*, tờ 215
14. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, *Tập Châu bản Minh Mệnh 64*, tờ146